

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DS-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Danh Toại

2. Ông Trần Khánh Hội.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng T**; Địa chỉ: 201-203 C, phường 4, quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trọng Tr – Tổng giám đốc công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng T theo Văn bản ủy quyền số: 856/2020/UQQT-NHNA ngày 31/12/2020 của Ngân hàng T cho công ty AMC

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Trọng Tr: Ông Phạm Ngọc Tr,

sinh năm: 1995. Địa chỉ: Lầu 6, 11 – 11A – 13 ADV, phường 8, Quận 5, Thành phố H (Theo Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2021). Có mặt

Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn B**, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện M, tỉnh L. (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2021 và tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng T trình bày: Vào ngày 06 tháng 02 năm 2018, Ngân hàng T - Chi nhánh T – phòng giao dịch P có ký hợp đồng tín dụng từng lần số 0060/2018/918-CV khoản vay tiêu dùng mua sắm thiết bị nội thất gia đình và bổ sung vốn kinh doanh với ông Nguyễn Văn B với số tiền vay gốc là 750.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày mà bên được cấp tín dụng nhận nợ vay lần đầu, lãi suất thỏa thuận là 10.6%/ năm, thay đổi 03 tháng/lần; Tài sản đảm bảo khoản vay theo hợp đồng thế chấp số 0031/2018/918-BĐ ngày 06/02/2018 giữa ngân hàng T với ông Nguyễn Văn B là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1798, tờ bản đồ số 3, diện tích 2314m² tại xã M, huyện Đ, tỉnh L cấp cho ông Nguyễn Văn B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 441019, số vào sổ cấp GCN số: 0072QSDĐ/0605-LA do UBND huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 05/8/1998, cập nhật biến động ngày 19/01/2017. Khi đến hạn trả nợ, Ngân hàng T đã yêu cầu rất nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn B phải trả cho Ngân hàng T số nợ gốc là 750.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 27/9/2022 là 447.426.674 đồng, trong đó lãi trong hạn 13.376.712 đồng, lãi quá hạn 429.133.562 đồng; lãi phạt chậm trả lãi 4.916.400 đồng, tổng cộng là 1.197.426.674 đồng và lãi suất được tiếp tục tính cho đến khi thanh toán xong nợ và lãi phạt chậm trả theo hợp đồng tín dụng, nếu ông B không trả hết nợ thì tài sản đảm bảo được phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng T.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án nhiều lần triệu tập và tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B vắng mặt không có lý do nên không có lời khai. Do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục xét xử vụ án tại phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi Hội đồng xét xử nghị án: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T: Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2022 là 1.192.510.274 đồng, gồm nợ gốc là 750.000.000 đồng, nợ lãi là 442.510.274 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn: 13.376.712 đồng, lãi quá hạn: 429.133.562 đồng), không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi chậm trả lãi: 4.916.400 đồng. Tiếp tục tính lãi quá hạn đối với nợ gốc phát sinh kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi ông Nguyễn Văn B trả xong nợ theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từng lần số 0060/2018/918-CV ngày 06/02/2018. Trường hợp ông Nguyễn Văn B không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng T có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất thửa đất số đất 1798, tờ bản đồ số 3, diện tích 2314m² tại xã M, huyện Đ, tỉnh L cấp cho ông Nguyễn Văn B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 441019, số vào sổ cấp GCN số: 0072QSDĐ/0605-LA do UBND huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 05/8/1998 (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0031/2018/918-BĐ ngày 06/02/2018) để thu hồi nợ. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu dư sẽ trả lại cho ông Nguyễn Văn B, nếu thiếu thì ông Nguyễn Văn B tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TỪNG LẦN” số 0060/2018/918-CV ngày 06/02/2018 do nguyên đơn cung cấp; Nội dung của hợp đồng có thỏa thuận về việc vay số tiền vay, lãi suất cho vay, thời gian và phương thức trả tiền vay. Trong đó, bên cho vay là tổ chức tín dụng, bên vay là cá nhân nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nên quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, vì vậy nguyên đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 3, thị trấn B, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Văn B: Ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có đương sự yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu đối tranh chấp. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng T yêu cầu ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ vay tính đến ngày 27/9/2022 gồm nợ gốc 750.000.000 đồng và nợ lãi là 447.426.674 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn là 13.376.712 đồng, lãi quá hạn vốn: 429.133.562 đồng, lãi chậm trả lãi: 4.916.400 đồng). Tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp là “HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TỪNG LẦN” số 0060/2018/918-CV ngày 06/02/2018 có chữ ký và chữ viết họ và tên Nguyễn Văn B, trong đó có các nội dung thỏa thuận giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Văn B như: số tiền, lãi suất, thời hạn trả tiền, mục đích sử dụng vốn, quyền và nghĩa vụ của các bên và các thỏa thuận khác. Ngoài ra còn có giấy nhận nợ số 02/GNN-0060/2018/918-CV và hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất số 0031/2018/918-BĐ ngày 06/02/2018-BĐ ngày 06/02/2018 tại Văn phòng công chứng Đ giữa ông Nguyễn Văn B với Ngân hàng T.

[5.1] Xét nội dung và hình thức của giao dịch giữa các bên theo “HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TỪNG LẦN” số 0060/2018/918-CV ngày 06/02/2018 đều

đảm bảo quy định tại điều 119 và điều 398 Bộ luật dân sự 2015, được xác định là hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân mà bản chất là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

[5.2] Ông Nguyễn Văn B là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng tín dụng từng lần số 0060/2018/918-CV ngày 06/02/2018 và giấy nhận nợ số 02/GNN-0060/2018-CV là sự tự nguyện của ông B. Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết khi đến hạn trả nợ. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của ông Nguyễn Văn B là đã vi phạm quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu ông Nguyễn Văn B trả toàn bộ số tiền nợ gốc cho Ngân hàng T là có cơ sở, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Về lãi suất: Ngân hàng T yêu cầu ông Nguyễn Văn B phải thanh toán nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ đúng với Điều 91 Luật tổ chức tín dụng, riêng đối với lãi chậm trả lãi là không đúng với quy định pháp luật vì khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã phải chịu mức lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn trên nợ gốc. Do đó không buộc phải chịu thêm mức phạt trên lãi quá hạn, bởi vì theo điểm b khoản 2 Điều 8 NQ 01/2019 thì trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn (không vượt mức giới hạn mà pháp luật quy định tức là không quá 150%), trong vụ án này Ngân hàng T đã tính lãi quá hạn bằng 150% nên không được phép tính thêm mức lãi chậm trả lãi.

[7] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B không có yêu cầu phản tố, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền nợ vay gốc 750.000.000 đồng, lãi là 442.510.274 đồng (trong đó: lãi trong

hạn 13.376.712 đồng, lãi quá hạn vốn: 429.133.562 đồng. Tổng cộng là 1.192.510.274 đồng.

[8.1] Kể từ ngày 28/9/2022, ông Nguyễn Văn B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng từng lần số 0060/2018/918-CV ngày 06/02/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng T.

[9] Trường hợp ông B không trả nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 0031/2018/918-BĐ ngày 06/02/2018 giữa Ngân hàng T với ông B là quyền sử dụng đất thửa số 1798, tờ bản đồ số 3, diện tích 2314m² tại xã M, huyện Đ, tỉnh L cấp cho ông Nguyễn Văn B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 441019, sổ vào sổ cấp GCN số: 0072QSĐĐ/0605-LA do UBND huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 05/8/1998, cập nhật biến động ngày 19/01/2017.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Nguyễn Văn B phải chịu và có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền 3.000.000 đồng.

[11] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ chịu dân sự sơ thẩm. Ngân hàng T phải chịu án phí do một phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 184, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền nợ tính đến ngày 27/9/2022 là 1.192.510.274đ (Một tỉ một trăm chín mươi hai triệu năm trăm mười nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng), gồm: Vốn gốc là 750.000.000 đồng, lãi trong hạn 13.376.712 đồng, lãi quá hạn 429.133.562 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi chậm trả lãi số tiền 4.916.400đ (bốn triệu chín trăm mười sáu nghìn bốn trăm đồng) của Ngân hàng T.

3. Kể từ ngày 28/9/2022, ông Nguyễn Văn B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng từng lần số 0060/2018/918-CV ngày 06/02/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng T.

4. Trường hợp ông Nguyễn Văn B không trả nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 0031/2018/918-BĐ ngày 06/02/2018 giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Văn B là quyền sử dụng đất thửa số 1798, tờ bản đồ số 3, diện tích 2314m² tại xã M, huyện Đ, tỉnh L cấp cho ông Nguyễn Văn B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 441019, số vào sổ cấp GCN số: 0072QSĐĐ/0605-LA do UBND huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 05/8/1998, cập nhật biến động ngày 19/01/2017.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền 3.000.000 đ (Ba triệu đồng).

6. Về án phí, căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

6.1. Buộc ông Nguyễn Văn B phải chịu số tiền 47.775.308đ (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm lẻ tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Ngân hàng T phải chịu án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 0010429 ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền 23.880.000đ (Hai mươi ba triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

8. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Hồng

